



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VIETOURIST HOLDINGS**

## MỤC LỤC

|   | Trang   |
|---|---------|
| 1. Mục lục  | 1       |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị  | 2 - 4   |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ  | 5       |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025  | 6 - 9   |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ<br>6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 10      |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ<br>6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025           | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ<br>6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025    | 13 - 32 |
| 8. Phụ lục  | 33      |

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vietourist Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

**Khái quát về Công ty**

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311273634, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 12 tháng 3 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiêu Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 1900 633649
- Fax : 028.6253 2111

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị   | Địa chỉ  |
|--|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vietourist Holdings tại Đà Nẵng                  | Tầng 8, tòa nhà Bạch Đằng Complex, 50 Bạch Đằng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam                                    |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vietourist Holdings tại Bình Dương               | Tầng 1, số nhà 48, đường số 9, khu trung tâm hành chính Dĩ An, khu phố Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| Chi nhánh Phan Thiết Công ty Cổ phần Vietourist Holdings                   | Số 22 Nguyễn Đình Chiểu, phường Mũi Né, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam  |
| Chi nhánh Đà Lạt Công ty Cổ phần Vietourist Holdings                       | 27/6 Hai Bà Trưng, phường Cam Ly- Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam  |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vietourist Holdings Tại Cần Thơ                  | Số 120 đường Nguyễn An Ninh, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam   |
| Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Vietourist Holdings tại TP. Hồ Chí Minh | 242- 242A Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  |
| Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Vietourist Holdings tại An Giang        | 21A Trần Nhật Duật, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam   |
| Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Vietourist Holdings tại Gia Lai         | 171 Hùng Vương, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam  |
| Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Vietourist Holdings tại Hà Nội          | Tầng 24, tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội, Việt Nam                             |
| Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Vietourist Holdings tại Hải Phòng       | Phòng 402, tầng 4, trung tâm điều hành Nhà khách Hải Quân. Số 05 Lý Tự Trọng, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam    |

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý du lịch;
- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;
- Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

- Hoạt động phiên dịch, dịch thuật;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên                   | Chức vụ      | Ngày bầu/miễn nhiệm                 |
|-----------------------------|--------------|-------------------------------------|
| Ông Trần Văn Tuấn           | Chủ tịch     | Bầu ngày 29 tháng 6 năm 2025        |
| Ông Nguyễn Dương Trung Hiếu | Thành viên   | Bầu ngày 29 tháng 6 năm 2025        |
| Ông Phan Ngọc Tuấn          | Thành viên   | Bầu ngày 29 tháng 6 năm 2025        |
| Ông Nguyễn Mạnh Huỳnh       | Thành viên   | Bầu ngày 29 tháng 6 năm 2025        |
| Bà Vũ Phương Anh            | Thành viên   | Bầu ngày 29 tháng 6 năm 2025        |
| Ông Trần Ngọc Hoàng         | Thành viên   | Bầu ngày 29 tháng 6 năm 2025        |
| Ông Trần Văn Thế            | Phó Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2025 |
| Ông Nguyễn Huy Thịnh        | Phó Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2025 |
| Ông Nguyễn Đình Hòa         | Phó Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2025 |

**Ban kiểm soát**

| Họ và tên              | Chức vụ    | Ngày bầu/miễn nhiệm                 |
|------------------------|------------|-------------------------------------|
| Bà Trương Ngọc Hải Vân | Trưởng ban | Bầu ngày 29 tháng 6 năm 2025        |
| Bà Nguyễn Ngọc Huyền   | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2025 |
| Bà Trần Thị Cường      | Thành viên | Bầu ngày 29 tháng 6 năm 2025        |
| Bà Nguyễn Mạnh Toàn    | Thành viên | Bầu ngày 29 tháng 6 năm 2025        |
| Ông Lê Việt Anh        | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2025 |

**Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên                   | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|-----------------------------|-------------------|-------------------------------------|
| Ông Nguyễn Dương Trung Hiếu | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020   |
| Ông Phan Ngọc Tuấn          | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2023   |
| Ông Trần Văn Thế            | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2025 |

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Văn Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị (bầu ngày 29 tháng 6 năm 2025).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Trần Văn Tuấn**  
**Chủ tịch**

Ngày 27 tháng 8 năm 2025



Số: 4.0251/25/TC-AC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vietourist Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C****Chi nhánh Cần Thơ****Nguyễn Quốc Ngừ****Thành viên Ban Giám đốc****Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3089-2025-008-1****Người được ủy quyền****TP. Cần Thơ, ngày 27 tháng 8 năm 2025**



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>307.507.263.955</b> | <b>158.230.269.930</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>13.262.276.883</b>  | <b>13.072.413.662</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 12.511.615.882         | 13.072.413.662         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 750.661.001            | -                      |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>4.000.000.000</b>   | <b>7.700.000.000</b>   |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2a        | 4.000.000.000          | 7.700.000.000          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>260.867.585.406</b> | <b>129.127.424.157</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 48.839.532.772         | 63.576.799.607         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 158.070.927.305        | 32.393.179.792         |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        | V.5         | 5.000.000.000          | 5.000.000.000          |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.6a        | 48.957.125.329         | 28.157.444.758         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        |             | -                      | -                      |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>28.172.436.702</b>  | <b>6.274.894.322</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.7         | 28.172.436.702         | 6.274.894.322          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>1.204.964.964</b>   | <b>2.055.537.789</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.8a        | 634.510.363            | 1.642.205.391          |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 570.454.601            | 413.332.398            |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                      | -                      |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiêu Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>72.132.293.994</b>  | <b>68.872.339.223</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>1.801.000.000</b>   | <b>14.002.584.000</b>  |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.6b        | 1.801.000.000          | 14.002.584.000         |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>55.525.649.180</b>  | <b>39.630.226.184</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.9         | 55.525.649.180         | 39.630.226.184         |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 73.925.544.064         | 54.865.195.544         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (18.399.894.884)       | (15.234.969.360)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>13.521.372.245</b>  | <b>13.523.415.268</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        | V.2b        | 13.521.372.245         | 13.523.415.268         |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>1.284.272.569</b>   | <b>1.716.113.771</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8b        | 1.284.272.569          | 1.716.113.771          |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>379.639.557.949</b> | <b>227.102.609.153</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>115.386.190.236</b> | <b>84.494.017.908</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>95.809.056.355</b>  | <b>73.557.613.467</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.10        | 22.028.903.252         | 17.764.992.182        |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.11        | 22.503.709.126         | 1.980.739.378         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.12        | 889.537.079            | 40.320.597            |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.13        | 549.797.434            | 542.534.480           |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.14        | 4.393.556.115          | 4.548.281.267         |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                     |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                     |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                      | -                     |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        |             | -                      | -                     |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.15a       | 45.443.553.349         | 48.680.745.563        |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                     |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        |             | -                      | -                     |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                     |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                     |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>19.577.133.881</b>  | <b>10.936.404.441</b> |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                     |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                     |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                     |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                     |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                     |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                     |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                      | -                     |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.15b       | 19.577.133.881         | 10.936.404.441        |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                     |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                     |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                     |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                     |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiêu Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>264.253.367.713</b> | <b>142.608.591.245</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>264.253.367.713</b> | <b>142.608.591.245</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.16a       | 240.000.000.000        | 120.000.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 240.000.000.000        | 120.000.000.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi  | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        | V.16a       | 180.250.000            | 461.600.000            |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ  | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        |             | -                      | -                      |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.16a       | 24.073.117.713         | 22.146.991.245         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 22.146.991.245         | 27.573.767.661         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 1.926.126.468          | (5.426.776.416)        |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                      | -                      |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                          | 429        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí  | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>379.639.557.949</b> | <b>227.102.609.153</b> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2025

  
 Nguyễn Thị Bích Thủy  
 Người lập

  
 Nguyễn Thị Kim Yến  
 Phụ trách kế toán

  
 Trần Văn Tuấn  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị





**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**


(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                 |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------|
|  |       |             | Năm nay                           | Năm trước       |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.1        | 77.958.792.638                    | 72.705.390.845  |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    |             | -                                 | -               |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 10    |             | 77.958.792.638                    | 72.705.390.845  |
| 4. Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.2        | 63.914.115.475                    | 55.827.369.230  |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | 14.044.677.163                    | 16.878.021.615  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VI.3        | 386.372.879                       | 161.005.616     |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 22    | VI.4        | 2.682.350.667                     | 2.259.279.416   |
| Trong đó: chi phí lãi vay                              | 23    |             | 2.673.501.086                     | 2.256.457.932   |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    | V.2b        | (2.043.023)                       | (807.627.797)   |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 25    | VI.5        | 2.236.057.110                     | 3.396.845.176   |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 26    | VI.6        | 5.110.348.440                     | 6.860.160.193   |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | 4.400.250.802                     | 3.715.114.649   |
| 12. Thu nhập khác                                      | 31    | VI.7        | 2.183.303                         | 381.134.165     |
| 13. Chi phí khác                                       | 32    | VI.8        | 1.597.029.179                     | 1.869.339.772   |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | 40    |             | (1.594.845.876)                   | (1.488.205.607) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 50    |             | 2.805.404.926                     | 2.226.909.042   |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 51    | V.12        | 880.486.791                       | 577.540.295     |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 52    |             | -                                 | -               |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 60    |             | 1.924.918.135                     | 1.649.368.747   |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                  | 61    |             | 1.924.917.985                     | 1.649.368.747   |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát     | 62    |             | -                                 | -               |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 70    | VI.9a       | 96                                | 137             |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                         | 71    | VI.9a       | 96                                | 137             |

  
 Nguyễn Thị Bích Thủy  
 Người lập

  
 Nguyễn Thị Kim Yến  
 Phụ trách kế toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2025

  
 Trần Văn Tuấn  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiêu Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh       | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|--|-----------|-------------------|-----------------------------------|------------------------|
|  |           |                   | Năm nay                           | Năm trước              |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |                   |                                   |                        |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        |                   | 1.926.126.468                     | 2.226.909.042          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |           |                   |                                   |                        |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        | V.9               | 3.164.925.524                     | 2.557.905.517          |
| - Các khoản dự phòng   | 03        |                   | -                                 | -                      |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |                   | -                                 | -                      |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        | V.2b, VI.3        | (333.559.570)                     | 282.550.602            |
| - Chi phí lãi vay  | 06        | VI.4              | 2.673.501.086                     | 2.256.457.932          |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |                   | -                                 | -                      |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |                   | 7.430.993.508                     | 7.323.823.093          |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |                   | (119.571.412.655)                 | (18.048.931.969)       |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |                   | (21.897.542.380)                  | (4.867.093.111)        |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |                   | 25.587.839.775                    | 15.111.602.530         |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        |                   | 1.439.536.230                     | (4.754.834.332)        |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |                   | -                                 | -                      |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        | V.14, VI.4        | (2.741.435.450)                   | (2.309.672.209)        |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        | V.12              | (31.270.309)                      | (490.672.136)          |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |                   | -                                 | -                      |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        |                   | -                                 | -                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |                   | <b>(109.783.291.281)</b>          | <b>(8.035.778.134)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |                   |                                   |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        | V.9               | (19.060.348.520)                  | (7.837.594.937)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |                   | -                                 | 20.136.577.105         |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |                   | (3.600.000.000)                   | (12.300.000.000)       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |                   | 7.300.000.000                     | -                      |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        |                   | -                                 | -                      |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |                   | -                                 | -                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        | V.2b, V.6.a, VI.3 | 211.315.796                       | 980.390.411            |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |                   | <b>(15.149.032.724)</b>           | <b>979.372.579</b>     |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này |                  |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|------------------|
|  |       |             | Năm nay                           | Năm trước        |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính  |       |             |                                   |                  |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31    | V.16a       | 119.718.650.000                   | -                |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32    |             | -                                 | -                |
| 3. Tiền thu từ di vay  | 33    | V.15a, b    | 65.559.329.219                    | 36.368.815.528   |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34    | V.15a, b    | (60.155.791.993)                  | (38.901.552.304) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35    |             | -                                 | -                |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36    |             | -                                 | -                |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính   | 40    |             | 125.122.187.226                   | (2.532.736.776)  |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ   | 50    |             | 189.863.221                       | (9.589.142.331)  |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm   | 60    | V.1         | 13.072.413.662                    | 15.476.227.100   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61    |             | -                                 | -                |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ   | 70    | V.1         | 13.262.276.883                    | 5.887.084.769    |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Nguyễn Thị Bích Thủy  
Người lậpNguyễn Thị Kim Yến  
Phụ trách kế toánTrần Văn Tuấn  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vietourist Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Đại lý du lịch, kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Cấu trúc Tập đoàn**

##### **5a. Danh sách công ty con được hợp nhất**

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Vận tải Vietrip có trụ sở chính tại số 242 – 242A Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là vận tải hành khách đường bộ khác. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

##### **5b. Danh sách Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Tập đoàn chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Xã hội Hoàng Kim Tây Nguyên có trụ sở chính tại 06 Lê Lợi, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 45,33% (số đầu năm là 45,33%).

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 60 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 59 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định  
Máy móc và thiết bị

Số năm  
03



## CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### Loại tài sản cố định

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

#### Số năm

05 - 10

#### 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và chi phí phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 10. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiêu Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**17. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt  | 7.426.700.730         | 7.027.528.438         |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn   | 5.084.915.152         | 6.044.885.224         |
| Các khoản tương đương tiền - <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng (*)</i> | 750.661.001           | -                     |
| <b>Cộng</b>   | <b>13.262.276.883</b> | <b>13.072.413.662</b> |

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị ghi sổ 700.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.15a).

**2. Các khoản đầu tư tài chính****2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

|                            | <u>Số cuối kỳ</u>    |                       | <u>Số đầu năm</u>    |                       |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
|                            | <u>Giá gốc</u>       | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá gốc</u>       | <u>Giá trị ghi sổ</u> |
| <i>Ngắn hạn</i>            |                      |                       |                      |                       |
| Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng | 4.000.000.000        | 4.000.000.000         | 7.700.000.000        | 7.700.000.000         |
| <b>Cộng</b>                | <b>4.000.000.000</b> | <b>4.000.000.000</b>  | <b>7.700.000.000</b> | <b>7.700.000.000</b>  |

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.15a).

**2b. Đầu tư vào công ty liên kết**

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

|  | <u>Giá trị phần sở hữu đầu năm</u> | <u>Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ</u> | <u>Giá trị phần sở hữu cuối kỳ</u> |
|--|------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Xã hội Hoàng Kim Tây Nguyên <sup>(i)</sup> | 13.523.415.268                     | (2.043.173)                      | 13.521.372.095                     |
| <b>Cộng</b>  | <b>13.523.415.268</b>              | <b>(2.043.173)</b>               | <b>13.521.372.095</b>              |



## CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5901054923 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xã hội Hoàng Kim Tây Nguyên 13.600.000.000 VND, tương đương 45,33% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ vào Công ty này.

#### *Tình hình hoạt động của công ty liên kết*

Công ty Cổ phần Xã hội Hoàng Kim Tây Nguyên hiện chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Công ty hiện đang thực hiện dự án trồng rừng sản xuất tại xã Hà Đông chưa thu hoạch.

#### *Giao dịch với công ty liên kết*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                      | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần The Infinis Việt Nam | 13.087.727.461        | 10.612.223.711        |
| Ông Mai Văn Thống                    | 5.483.380.000         | 17.193.650.000        |
| Bà Nguyễn Nữ Huệ Phương              | 12.100.000.000        | 20.100.000.000        |
| Các khách hàng khác                  | 18.168.425.311        | 15.670.925.896        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>48.839.532.772</b> | <b>63.576.799.607</b> |

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|   | Số cuối kỳ             | Số đầu năm            |
|---|------------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Khách sạn Tre Xanh Gia Lai (*)    | 119.998.900.000        | -                     |
| Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt               | 6.231.418.773          | 6.299.119.773         |
| Công ty TNHH Quản lý Khu nghỉ dưỡng Novela Mũi Né | 9.487.081.338          | 8.345.516.735         |
| Công ty Cổ phần Regal Group                       | 10.849.060.000         | 10.849.060.000        |
| Các nhà cung cấp khác                             | 11.504.467.194         | 6.899.483.284         |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>158.070.927.305</b> | <b>32.393.179.792</b> |

- (\*) Khoản tiền đặt cọc giữ chỗ mua xe theo hợp đồng số 79/2025-VTD/TXGL ngày 16 tháng 01 năm 2025.

- (\*\*) Khoản tiền đặt cọc giữ chỗ mua các căn boutique hotel tại dự án: Khu đô thị - Du lịch Quốc tế Regal Legend Quảng Bình "Khu đô thị bảo Ninh 1".

### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

|   | Số cuối kỳ           | Số đầu năm           |
|---|----------------------|----------------------|
| Cho Ông Nguyễn Bá Trang vay với lãi suất 5%/năm | 5.000.000.000        | 5.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>5.000.000.000</b> | <b>5.000.000.000</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**6. Phải thu ngắn hạn khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

|                                    | Số cuối kỳ            |          | Số đầu năm            |          |
|------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                    | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
| Tiền lãi cho vay                   | 148.767.124           | -        | 43.816.438            | -        |
| Lãi thực thu tiền gửi có kỳ hạn    | 19.336.111            | -        | -                     | -        |
| Tạm ứng tour                       | 8.937.038.094         | -        | 11.113.628.320        | -        |
| Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 29.251.984.000        | -        | 17.000.000.000        | -        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác   | 10.600.000.000        | -        | -                     | -        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>48.957.125.329</b> | <b>-</b> | <b>28.157.444.758</b> | <b>-</b> |

**6b. Phải thu dài hạn khác**

|                                   | Số cuối kỳ           |          | Số đầu năm            |          |
|-----------------------------------|----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                   | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
| Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn | 1.801.000.000        | -        | 14.002.584.000        | -        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>1.801.000.000</b> | <b>-</b> | <b>14.002.584.000</b> | <b>-</b> |

**7. Hàng tồn kho**

|                                     | Số cuối kỳ            |          | Số đầu năm           |          |
|-------------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|----------|
|                                     | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc              | Dự phòng |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 28.138.219.713        | -        | 6.188.060.342        | -        |
| Hàng hóa                            | 34.216.989            | -        | 86.833.980           | -        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>28.172.436.702</b> | <b>-</b> | <b>6.274.894.322</b> | <b>-</b> |

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                     | Số cuối kỳ         | Số đầu năm           |
|-------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ            | 66.032.402         | 24.264.888           |
| Chi phí bảo hiểm                    | 553.653.769        | 335.762.747          |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 14.824.192         | 1.282.177.756        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>634.510.363</b> | <b>1.642.205.391</b> |

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

|                                    | Số cuối kỳ           | Số đầu năm           |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ           | 170.875.126          | 163.456.127          |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định   | 1.107.816.623        | 1.544.046.480        |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 5.580.820            | 8.611.164            |
| <b>Cộng</b>                        | <b>1.284.272.569</b> | <b>1.716.113.771</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****9. Tài sản cố định hữu hình**

|                                       | <b>Máy móc và<br/>thiết bị</b> | <b>Phương tiện vận tải,<br/>truyền dẫn</b> | <b>Cộng</b>           |
|---------------------------------------|--------------------------------|--|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                                |  |                       |
| Số đầu năm                            | 73.500.000                     | 54.791.695.544                             | 54.865.195.544        |
| Mua trong kỳ                          | -                              | 19.060.348.520                             | 19.060.348.520        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>73.500.000</b>              | <b>73.852.044.064</b>                      | <b>73.925.544.064</b> |
| <b>Trong đó:</b>                      |                                |  |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | -                              | 1.088.554.545                              | 1.088.554.545         |
| Chờ thanh lý                          | -                              | -  | -                     |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                                |  |                       |
| Số đầu năm                            | 53.083.342                     | 15.181.886.018                             | 15.234.969.360        |
| Khấu hao trong kỳ                     | 12.250.002                     | 3.152.675.522                              | 3.164.925.524         |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>65.333.344</b>              | <b>18.334.561.540</b>                      | <b>18.399.894.884</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                                |  |                       |
| Số đầu năm                            | 20.416.658                     | 39.609.809.526                             | 39.630.226.184        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>8.166.656</b>               | <b>55.517.482.524</b>                      | <b>55.525.649.180</b> |
| <b>Trong đó:</b>                      |                                |  |                       |
| Tạm thời chưa sử dụng                 | -                              | -  | -                     |
| Đang chờ thanh lý                     | -                              | -  | -                     |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 54.576.679.740 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.15a và V.15b).

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

|  | <b>Số cuối kỳ</b>     | <b>Số đầu năm</b>     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| The Infinis Pathway Inc                  | 7.767.895.730         | 10.613.317.600        |
| Infinity Tours B.V                       | 5.359.712.459         | 5.359.712.459         |
| Hunteraise Venture Ltd in United Kingdom | 4.505.480.055         | -                     |
| Các nhà cung cấp khác                    | 4.395.815.008         | 1.791.962.123         |
| <b>Cộng</b>                              | <b>22.028.903.252</b> | <b>17.764.992.182</b> |

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|  | <b>Số cuối kỳ</b>     | <b>Số đầu năm</b>    |
|--|-----------------------|----------------------|
| Khách lẻ ứng trước tour du lịch          | 19.280.904.264        | 1.407.494.378        |
| Công ty TNHH Du lịch và Sự kiện J Travel | -                     | 420.000.000          |
| Các khách hàng khác                      | 3.222.804.862         | 153.245.000          |
| <b>Cộng</b>                              | <b>22.503.709.126</b> | <b>1.980.739.378</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|  | Số đầu năm        | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Số cuối kỳ         |
|--|-------------------|----------------------|-------------------------|--------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 27.923.264        | 880.486.791          | (31.270.309)            | 877.139.746        |
| Thuế thu nhập cá nhân                  | 12.397.333        | -                    | -                       | 12.397.333         |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                 | 7.000.000            | (7.000.000)             | -                  |
| <b>Cộng</b>                            | <b>40.320.597</b> | <b>887.486.791</b>   | <b>(38.270.309)</b>     | <b>889.537.079</b> |

##### *Thuế giá trị gia tăng*

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, các Công ty trong Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ của các công ty trong Tập đoàn như sau:

|                                     | Kỳ này             | Kỳ trước           |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Vietourist Holdings | 820.581.815        | 425.588.141        |
| Công ty TNHH Vận tải Vietrip        | 59.904.976         | 151.952.154        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>880.486.791</b> | <b>577.540.295</b> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

##### *Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác*

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

#### 13. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho người lao động.

#### 14. Chi phí phải trả ngắn hạn

|                          | Số cuối kỳ           | Số đầu năm           |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí tour du lịch     | 4.262.135.034        | 4.348.925.822        |
| Chi phí lãi vay phải trả | 131.421.081          | 199.355.445          |
| <b>Cộng</b>              | <b>4.393.556.115</b> | <b>4.548.281.267</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****15. Vay****15a. Vay ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng  | 37.182.540.565        | 42.759.638.891        |
| - Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn <sup>(i)</sup>      | 18.482.253.434        | 17.362.331.910        |
| - Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn            | -                     | 1.953.000.000         |
| - Vay Ngân hàng TMCP Tiên phong - Chi nhánh Bến Thành <sup>(ii)</sup> | 18.700.287.131        | 18.699.695.220        |
| - Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh | -                     | 4.744.611.761         |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.15b)                       | 8.261.012.784         | 5.921.106.672         |
| <b>Cộng</b>   | <b>45.443.553.349</b> | <b>48.680.745.563</b> |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Vietourist Holdings tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng việc thế chấp tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.1, V.2a và V.9).
- (ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Vietourist Holdings tại Ngân hàng TMCP Tiên phong - Chi nhánh Bến Thành để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1a).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

|                         | <u>Số đầu năm</u>     | <u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u>     |
|-------------------------|-----------------------|---------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng  | 42.759.638.891        | 51.559.329.219                        | -                                | (57.136.427.545)                   | 37.182.540.565        |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 5.921.106.672         | -                                     | 5.048.159.448                    | (2.708.253.336)                    | 8.261.012.784         |
| <b>Cộng</b>             | <b>48.680.745.563</b> | <b>51.559.329.219</b>                 | <b>5.048.159.448</b>             | <b>(59.844.680.881)</b>            | <b>45.443.553.349</b> |

**15b. Vay dài hạn**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng   |                       |                       |
| - Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn <sup>(i)</sup>      | 926.300.000           | 2.187.800.000         |
| - Vay Ngân hàng TMCP Tiên phong - Chi nhánh Bến Thành <sup>(ii)</sup> | 18.650.833.881        | 8.748.604.441         |
| <b>Cộng</b>   | <b>19.577.133.881</b> | <b>10.936.404.441</b> |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Vietourist Holdings tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn để mua xe phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất áp dụng theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay từ 48 tháng đến 56 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải (xem thuyết minh số V.9).

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên phong - Chi nhánh Bến Thành chi tiết như sau:

Công ty mẹ: vay để mua xe phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất áp dụng theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay từ 48 tháng đến 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải (xem thuyết minh số V.9).

Công ty TNHH Vận tải Vietrip: vay mua xe phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất linh hoạt, lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ, điều chỉnh hàng quý theo thông báo từ ngân hàng, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

|                        | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 8.261.012.784         | 5.921.106.672         |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 17.587.775.553        | 10.474.287.819        |
| Trên 05 năm            | 1.989.358.328         | 462.116.622           |
| <b>Cộng</b>            | <b>27.838.146.665</b> | <b>16.857.511.113</b> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

|                              | Kỳ này                | Kỳ trước              |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                   | 10.936.404.441        | 22.954.333.325        |
| Số tiền vay phát sinh        | 14.000.000.000        | 5.812.800.000         |
| Số tiền vay đã trả           | (311.111.112)         | (11.172.922.208)      |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | (5.048.159.448)       | (3.444.953.340)       |
| <b>Số cuối kỳ</b>            | <b>19.577.133.881</b> | <b>14.149.257.777</b> |

#### 15c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

#### 16. Vốn chủ sở hữu

##### 16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

##### 16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

|                 | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|-----------------|------------------------|------------------------|
| Cổ đông góp vốn | 240.000.000.000        | 120.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>     | <b>240.000.000.000</b> | <b>120.000.000.000</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

|                 | Theo Giấy chứng nhận<br>đăng ký doanh nghiệp |            | Vốn điều lệ đã<br>góp (VND) | Vốn điều lệ<br>còn phải góp<br>(VND) |
|-----------------|--|------------|-----------------------------|--------------------------------------|
|                 | VND  | Tỷ lệ (%)  |                             |                                      |
| Cổ đông góp vốn | 240.000.000.000                              | 100        | 240.000.000.000             | -                                    |
| <b>Cộng</b>     | <b>240.000.000.000</b>                       | <b>100</b> | <b>240.000.000.000</b>      | <b>-</b>                             |

Trong kỳ, Công ty mẹ đã hoàn tất chào bán 12.000.000 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu để bổ sung vốn kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-VTD ngày 29 tháng 6 năm 2025 đã thông qua. Ngày 12 tháng 3 năm 2025 Công ty mẹ đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 16 do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 240.000.000.000 VND.

**16c. Cổ phiếu**

|  | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 24.000.000 | 12.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 24.000.000 | 12.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 24.000.000 | 12.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -          | -          |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | -          | -          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 24.000.000 | 12.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 24.000.000 | 12.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -          | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ***Ngoại tệ các loại*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 6.250,2 USD (số đầu năm là 61.794,66 USD).

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

|                            | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|----------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                            | Năm nay                           | Năm trước             |
| Doanh thu bán hàng hóa     | 926.912.982                       | 3.531.922.722         |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 77.031.879.656                    | 69.173.468.123        |
| <b>Cộng</b>                | <b>77.958.792.638</b>             | <b>72.705.390.845</b> |

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiêu Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

|                                 | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|---------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                                 | Năm nay                           | Năm trước             |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán     | 558.286.013                       | 3.343.536.519         |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 63.355.829.462                    | 52.483.832.711        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>63.914.115.475</b>             | <b>55.827.369.230</b> |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                 | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                    |
|---------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
|                                 | Năm nay                           | Năm trước          |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn          | 186.835.469                       | 35.765.556         |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn       | 2.171.618                         | 13.383.334         |
| Lãi tiền cho vay                | 148.767.124                       | 108.178.082        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 29.449.668                        | 3.678.644          |
| Chiết khấu thanh toán           | 19.149.000                        | -                  |
| <b>Cộng</b>                     | <b>386.372.879</b>                | <b>161.005.616</b> |

**4. Chi phí tài chính**

|                                | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|--------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                                | Năm nay                           | Năm trước            |
| Chi phí lãi vay                | 2.673.501.086                     | 2.256.457.932        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 8.849.581                         | 2.821.484            |
| <b>Cộng</b>                    | <b>2.682.350.667</b>              | <b>2.259.279.416</b> |

**5. Chi phí bán hàng**

|                                  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước            |
| Chi phí cho nhân viên            | 1.983.749.478                     | 2.521.882.415        |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng         | 84.286.411                        | 71.974.839           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 35.713.674                        | 17.856.837           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | -                                 | 16.550.000           |
| Các chi phí khác                 | 132.307.547                       | 768.581.085          |
| <b>Cộng</b>                      | <b>2.236.057.110</b>              | <b>3.396.845.176</b> |

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước            |
| Chi phí cho nhân viên            | 1.436.030.243                     | 1.349.062.700        |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 431.197.827                       | 101.350.372          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 211.495.927                       | 174.453.162          |
| Thuế, phí và lệ phí              | 7.000.000                         | 6.787.437            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 1.780.009.237                     | 3.100.185.876        |
| Các chi phí khác                 | 1.244.615.206                     | 2.128.320.646        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>5.110.348.440</b>              | <b>6.860.160.193</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**7. Thu nhập khác**

|  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                    |
|--|-----------------------------------|--------------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước          |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | -                                 | 381.133.557        |
| Các khoản thu nhập khác                  | 2.183.303                         | 608                |
| <b>Cộng</b>                              | <b>2.183.303</b>                  | <b>381.134.165</b> |

**8. Chi phí khác**

|                           | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|---------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                           | Năm nay                           | Năm trước            |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 4.704.239                         | 49.339.608           |
| Xử lý công nợ             | 1.569.138.728                     | -                    |
| Phạt do vi phạm hợp đồng  | -                                 | 1.820.000.000        |
| Các chi phí khác          | 23.186.212                        | 164                  |
| <b>Cộng</b>               | <b>1.597.029.179</b>              | <b>1.869.339.772</b> |

**9. Lãi trên cổ phiếu****9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

|   | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |               |
|---|-----------------------------------|---------------|
|   | Năm nay                           | Năm trước     |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ   | 1.924.917.985                     | 1.649.368.747 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | -                                 | -             |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu  | 1.924.917.985                     | 1.649.368.747 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ  | 20.027.924                        | 12.000.000    |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>  | <b>96</b>                         | <b>137</b>    |

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

|   | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                   |
|---|-----------------------------------|-------------------|
|   | Năm nay                           | Năm trước         |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 12.000.000                        | 12.000.000        |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ                       | 8.027.924                         | -                 |
| <b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>                | <b>20.027.924</b>                 | <b>12.000.000</b> |

**9b. Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước             |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 2.352.346.237                     | 552.078.171           |
| Chi phí nhân công                | 4.627.911.721                     | 4.666.511.574         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.164.925.524                     | 2.557.905.517         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 72.223.236.666                    | 52.067.441.087        |
| Chi phí khác                     | 1.383.922.753                     | 2.896.901.731         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>83.752.342.901</b>             | <b>62.740.838.080</b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong kỳ chỉ có giao dịch về tạm ứng với Chủ tịch Hội đồng quản trị với số tiền là 220.593.527 VND (cùng kỳ năm trước không có giao dịch phát sinh).

*Cam kết bảo lãnh*

Ông Trần Văn Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị đã dùng bất động sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty mẹ tại Ngân hàng TMCP Tiên phong - Chi nhánh Bến Thành (xem thuyết minh số V.15a).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát của Công ty mẹ:*

|   | Kỳ này     | Kỳ trước   |
|---|------------|------------|
| Ông Trần Văn Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị                                | 73.654.700 | 86.787.000 |
| Ông Nguyễn Dương Trung Hiếu - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc | 72.654.700 | 98.290.913 |
| Ông Phan Ngọc Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc      | 69.654.700 | 92.787.000 |
| Ông Nguyễn Mạnh Huỳnh - Thành viên Hội đồng quản trị                          | -          | 30.000.000 |



## CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

|  | Kỳ này             | Kỳ trước           |
|--|--------------------|--------------------|
| Ông Trần Văn Thế - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2025) | 12.000.000         | 12.000.000         |
| Ông Nguyễn Đình Hòa - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị   | 12.000.000         | 6.000.000          |
| Ông Nguyễn Huy Thịnh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị  | 12.000.000         | 6.000.000          |
| Bà Lưu Đức Hạnh - Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2024)                           | -                  | 6.000.000          |
| Bà Nguyễn Ngọc Huyền - Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2025)                              | 72.604.262         | 47.804.690         |
| <b>Cộng</b>  | <b>324.568.362</b> | <b>385.669.603</b> |

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty Cổ phần Xã hội Hoàng Kim Tây Nguyên là công ty liên kết.

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch khác với các bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Tập đoàn không có công nợ với các bên liên quan khác.

**2. Thông tin về bộ phận**

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phát sinh bao gồm bán hàng, kinh doanh dịch vụ du lịch trong nước và quốc tế.


Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:


|             | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
|             | Năm nay                           | Năm trước             |
| Nước ngoài  | 42.313.323.454                    | 37.169.866.841        |
| Trong nước  | 35.645.469.184                    | 35.535.524.004        |
| <b>Cộng</b> | <b>77.958.792.638</b>             | <b>72.705.390.845</b> |

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2025

  
Nguyễn Thị Bích Thủy  
Người lập

  
Nguyễn Thị Kim Yến  
Phụ trách kế toán

  
Trần Văn Tuấn  
Chủ tịch Hội đồng quản trị



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETOURIST HOLDINGS**

Địa chỉ: 386/71C Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

|   | Vốn góp<br>của chủ sở hữu | Thặng dư<br>vốn cổ phần | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>chưa phân phối | Cộng            |
|---|---------------------------|-------------------------|---|-----------------|
| Số dư đầu năm trước                           | 120.000.000.000           | 461.600.000             | 27.573.767.661                          | 148.035.367.661 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước                      | -                         | -                       | 1.649.368.747                           | 1.649.368.747   |
| Số dư cuối kỳ trước                           | 120.000.000.000           | 461.600.000             | 29.223.136.408                          | 149.684.736.408 |
| Số dư đầu năm nay                             | 120.000.000.000           | 461.600.000             | 22.146.991.245                          | 142.608.591.245 |
| Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong kỳ này | 120.000.000.000           | -                       | -                                       | 120.000.000.000 |
| Chi phí phát hành cổ phiếu                    | -                         | (281.350.000)           | -                                       | (281.350.000)   |
| Lợi nhuận trong kỳ này                        | -                         | -                       | 1.924.918.135                           | 1.924.918.135   |
| Điều chỉnh khác                               | -                         | -                       | 1.208.333                               | 1.208.333       |
| Số dư cuối kỳ này                             | 240.000.000.000           | 180.250.000             | 24.073.117.713                          | 264.253.367.713 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2025



  
**Nguyễn Thị Bích Thủy**  
 Người lập

  
**Nguyễn Thị Kim Yến**  
 Phụ trách kế toán

  
**Trần Văn Tuấn**  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

